

BÀI 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

Giới thiệu

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về xã hội, là kết quả của sự vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật vào việc nghiên cứu đời sống xã hội và lịch sử nhân loại.

Mục tiêu chung

Sau khi học xong bài này các anh/chị sẽ hiểu, với quan niệm duy vật về lịch sử, chủ nghĩa Mác đã thực hiện sự chuyển biến cách mạng trong triết học về xã hội. Quan niệm duy vật về lịch sử là một phát hiện vĩ đại của Mác, đồng thời là sự kế thừa những thành tựu trong lịch sử tư tưởng của nhân loại.

Mục tiêu cụ thể

Học bài 3 các anh/chị cần nắm vững:

- Vai trò của sản xuất vật chất và nội dung quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.
- Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.
- Lý luận Hình thái kinh tế – xã hội.
- Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội trong xã hội có đối kháng giai cấp.
- Quan điểm của Chủ nghĩa duy vật Lịch sử về nguồn gốc và bản chất con người và về vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.

3.1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

3.1.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó

3.1.1.1. Khái niệm sản xuất vật chất và vai trò của nó

- Sản xuất vật chất là quá trình hoạt động lao động của con người, trong quá trình đó, con người sử dụng các phương tiện, công cụ lao động thích hợp tác động vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên nhằm tạo ra của cải vật chất để thoả mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của mình, với nghĩa như vậy, sản xuất vật chất là một loại hoạt động có tính khách quan, tính xã hội, tính lịch sử và tính sáng tạo.

- Vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại, phát triển xã hội:

Thứ nhất: sản xuất vật chất là nền tảng, là cơ sở để duy trì sinh hoạt vật chất cho xã hội. Nếu thiếu nó sẽ không có bộ mặt tinh thần, không có sản xuất tinh thần và tất nhiên là con người, xã hội không thể tồn tại.

Thứ hai: chính lịch sử phát triển của sản xuất vật chất quyết định sự phát triển của đời sống tinh thần như chính trị, đạo đức, pháp quyền v.v...

Thứ ba: trong quá trình sản xuất vật chất con người không chỉ cải tạo thế giới tự nhiên và xã hội mà còn cải tạo chính bản thân mình. Trên cơ sở đó con người ngày càng phát triển.

3.1.1.2. Khái niệm phương thức sản xuất và vai trò của nó

Phương thức sản xuất là cách thức mà con người dùng để làm ra của cải vật chất cho mình trong một giai đoạn lịch sử nhất định, theo cách đó con người có những quan hệ nhất định với tự nhiên (lực lượng sản xuất) và có những quan hệ nhất định với nhau trong sản xuất vật chất (quan hệ sản xuất). Vì vậy, phương thức sản xuất là sự thống nhất hữu cơ của hai mặt: Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Để sản xuất vật chất phải có ba yếu tố thường xuyên tất yếu: Phương thức sản xuất, điều kiện tự nhiên và điều kiện dân số, trong đó phương thức sản xuất là yếu tố quyết định.

Mỗi xã hội ở mỗi giai đoạn lịch sử nhất định có một phương thức sản xuất của nó với những đặc điểm riêng và quyết định mọi mặt đời sống xã hội. Các phương thức sản xuất trong lịch sử được thay thế lẫn nhau một cách tất yếu khách quan bằng các cuộc cách mạng xã hội. Khi phương thức sản xuất mới ra đời thì toàn bộ kết cấu kinh tế, kết cấu giai cấp, xã hội, các quan điểm tư tưởng chính trị, pháp luật, đạo đức cùng các thiết chế tương ứng của nó như nhà nước, đảng phái .v.v... cũng thay đổi.

3.1.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

3.1.2.1. Khái niệm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- Lực lượng sản xuất là sự kết hợp giữa người lao động (sức khỏe, thể chất, kinh nghiệm, kỹ năng, tri thức lao động của họ) với tư liệu sản xuất mà trước hết là công cụ lao động để tạo ra một sức sản xuất vật chất nhất định.

Lực lượng sản xuất do con người tạo ra nhưng mang tính khách quan. Nó biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Lực lượng sản xuất nói lên năng lực hoạt động thực tiễn của con người trong quá trình chinh phục tự nhiên. Nó là sản phẩm của sự kết hợp giữa lao động sống và lao động quá khứ.

Lực lượng sản xuất là tiêu chí quan trọng nhất để chỉ ra những nấc thang của sự tiến bộ xã hội vì các chế độ kinh tế khác nhau ở chỗ, nó sản xuất bằng cách nào, với công cụ lao động nào.

Trong lực lượng sản xuất gồm các yếu tố cơ bản: con người - người lao động với thể lực, học vấn, kinh nghiệm, kỹ năng, trình độ lao động; tư liệu lao động (gồm công cụ lao động và đối tượng lao động). Các yếu tố trong lực lượng sản xuất không thể tách rời nhau, chúng có quan hệ hữu cơ với nhau trong đó yếu tố con người – người lao động giữ vị trí hàng đầu, tư liệu sản xuất đóng vai trò rất quan trọng.

Ngày nay khoa học – kỹ thuật ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội. Điều này thể hiện ở chỗ, khoa học đã thâm thấu vào tất cả quy trình lao động, đóng vai trò quan trọng trong tổ chức, quản lý sản xuất, trong chế tạo, cải tiến công cụ lao động, v.v.

- Quan hệ sản xuất là những quan hệ cơ bản giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất thể hiện ở quan hệ về mặt sở hữu đối với tư liệu sản xuất, quan hệ trong tổ chức quản lý sản xuất, quan hệ về mặt phân phối sản phẩm, trong đó quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất giữ vai trò quyết định.

Quan hệ sản xuất mang tính khách quan, nó được hình thành trong quá trình phát triển lịch sử. Quan hệ sản xuất là quan hệ cơ bản quyết định tất cả các quan hệ xã hội khác của con người.

Quan hệ sản xuất là tiêu chí quan trọng để phân biệt hình thái kinh tế – xã hội này với hình thái kinh tế – xã hội khác.

Các quan hệ cơ bản của quan hệ sản xuất có quan hệ tác động biện chứng với nhau trong đó quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất giữ vị trí quy định các quan hệ khác.

3.1.2.2. Môi quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- Vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với sự hình thành và biến đổi của quan hệ sản xuất:

Xu hướng của sản xuất vật chất là không ngừng biến đổi và phát triển. Sự biến đổi đó bao giờ cũng bắt đầu bằng sự biến đổi và phát triển của lực lượng sản xuất mà trước hết là công cụ lao động.

Lực lượng sản xuất là yếu tố động nhất, cách mạng nhất, nó luôn luôn vận động và biến đổi trong quá trình lịch sử.

Lực lượng sản xuất là nội dung, quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của quá trình sản xuất. Sự biến đổi trong lực lượng sản xuất sớm muộn cũng kéo theo sự biến đổi trong quan hệ sản xuất.

Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất tất yếu dẫn đến đấu tranh giai cấp mà đỉnh cao của nó là cách mạng xã hội nhằm phá bỏ "xiềng xích trói buộc" lực lượng sản xuất để xác lập quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

- Tác động ngược lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất: Sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất diễn ra theo hai xu hướng.

Nếu quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng thì sẽ thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Nếu quan hệ sản xuất không phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất thì sẽ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Sự phù hợp "được quan niệm là sự phù hợp biện chứng chứa đựng mâu thuẫn", tức là sự phù hợp trong mâu thuẫn, bao hàm mâu thuẫn.

Tiêu chí của sự phù hợp được biểu hiện thông qua sự tác động biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất mà năng suất lao động tăng, người lao động hưởng hái sản xuất, lực lượng sản xuất phát triển.

Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất là quy luật chung nhất chi phối toàn bộ tiến trình lịch sử nhân loại.

Quy luật này làm cho lịch sử là một dòng chảy liên tục song mang tính gián đoạn.

Trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể, quy luật này có những biểu hiện đặc thù của nó.

3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

3.2.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

3.2.1.1. Cơ sở hạ tầng là tổng hợp những quan hệ sản xuất hợp thành kết cấu kinh tế của một xã hội nhất định

Trong một cơ sở hạ tầng bao gồm ba loại quan hệ sản xuất:

- Quan hệ sản xuất tàn dư của phương thức sản xuất cũ
- Quan hệ sản xuất thống trị
- Quan hệ sản xuất mầm mống của phương thức sản xuất tương lai.

Đặc trưng của cơ sở hạ tầng của một xã hội là do quan hệ sản xuất thống trị quy định. Điều đó chứng tỏ một cơ sở hạ tầng có nhiều thành phần kinh tế, nhiều quan hệ sản xuất thì quan hệ sản xuất thống trị sẽ giữ địa vị chi phối các quan hệ sản xuất khác.

3.2.1.2. Kiến trúc thượng tầng là toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp luật, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật, v.v với những thiết chế tương ứng (Nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể) được hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định

Các bộ phận của kiến trúc thượng tầng có đặc điểm riêng, có quy luật phát triển riêng nhưng đều liên hệ với nhau, tác động lẫn nhau, đều nảy sinh trên cơ sở hạ tầng nhất định. Mỗi yếu tố của kiến trúc thượng tầng cũng có quan hệ khác nhau đối với cơ sở hạ tầng. Có yếu tố có quan hệ trực tiếp (như chính trị, pháp luật), có yếu tố có quan hệ gián tiếp (như nghệ thuật, khoa học).

Trong xã hội có giai cấp, kiến trúc thượng tầng mang tính giai cấp, trong đó, nhà nước – công cụ của giai cấp thống trị, bộ phận có quyền lực nhất, có vai trò đặc biệt trong kiến trúc thượng tầng. Nhờ có nhà nước, giai cấp thống trị mới thực hiện được sự thống trị của mình trên các mặt đời sống xã hội.

3.2.2. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

3.2.2.1. Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng

- Cơ sở hạ tầng sản sinh ra một kiến trúc thượng tầng tương ứng, quy định tính chất của kiến trúc thượng tầng (tính chất xã hội giai cấp của kiến trúc thượng tầng, phản ánh tính chất xã hội giai cấp của cơ sở hạ tầng).
- Sự biến đổi căn bản trong cơ sở hạ tầng dẫn đến sự biến đổi căn bản của kiến trúc thượng tầng. Khi cơ sở hạ tầng cũ mất đi thì kiến trúc thượng tầng cũ do nó sinh ra cũng mất theo, khi cơ sở hạ tầng mới ra đời thì kiến trúc thượng tầng mới phù hợp với nó cùng xuất hiện.
- Trong xã hội có giai cấp, giai cấp nào chiếm được địa vị thống trị về kinh tế thì cũng chiếm địa vị thống trị trong đời sống chính trị, tinh thần. Mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế quy định tính chất mâu thuẫn trong lĩnh vực tư tưởng.

3.2.2.2. Sự tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng

- Chức năng xã hội của kiến trúc thượng tầng là bảo vệ, duy trì, củng cố và phát triển cơ sở hạ tầng sinh ra nó, đấu tranh xóa bỏ cơ sở và kiến trúc thượng tầng cũ.
- Trong các yếu tố cấu thành kiến trúc thượng tầng, nhà nước giữ vai trò đặc biệt quan trọng, có tác dụng quyết định năng lực hiện thực hóa tính tất yếu kinh tế, vì nó là lực lượng vật chất có sức mạnh kinh tế.
- Các yếu tố khác của kiến trúc thượng tầng như triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật... cũng đều tác động đến cơ sở hạ tầng bằng nhiều hình thức khác nhau, với nhiều cấp độ khác nhau, trực tiếp hoặc gián tiếp.

Các yếu tố của kiến trúc thượng tầng không chỉ tác động đến cơ sở hạ tầng mà chúng còn tác động lẫn nhau (sự tác động đó thông qua nhà nước với những luật pháp tương ứng, có hiệu lực mạnh mẽ đối với cơ sở hạ tầng).

- Sự tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng theo hai hướng:
 - Sự tác động phù hợp với quy luật kinh tế – xã hội, với yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất thì thúc đẩy sự phát triển xã hội.
 - Sự tác động không phù hợp với quy luật kinh tế – xã hội không phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất sẽ cản trở cho sự phát triển sản xuất, xã hội. Do nhận thức được những quy luật kinh tế – xã hội khách quan, kiến trúc thượng tầng chính trị có vai trò định hướng những hoạt động thực tiễn đưa lại phương án phát triển tối ưu cho kinh tế – xã hội.

3.3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

3.3.1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

3.3.1.1. Khái niệm tồn tại xã hội và ý thức xã hội

- **Tồn tại xã hội** là toàn bộ những điều kiện sinh hoạt vật chất và quan hệ vật chất quy định tồn tại và phát triển xã hội: Những yếu tố cơ bản của điều kiện sinh hoạt vật chất:

- Phương thức sản xuất vật chất.
- Điều kiện tự nhiên.
- Dân cư.

Trong đó, phương thức sản xuất vật chất là yếu tố cơ bản nhất.

- **Ý thức xã hội** là mặt tinh thần của đời sống xã hội nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển khác nhau của xã hội. Ý thức xã hội là hiện tượng phức tạp, có thể xem xét, phân loại thành những cấp độ khác nhau.

Có thể phân chia ý thức xã hội thành hai cấp độ: Ý thức xã hội thông thường và ý thức lý luận, tâm lý xã hội và hệ tư tưởng.

Tâm lý xã hội – là hiện tượng tinh thần đời sống xã hội, bao gồm toàn bộ những tình cảm, tâm trạng, tập quán, thói quen của người ta được hình thành một cách tự phát dưới tác động trực tiếp của điều kiện sống hàng ngày của họ.

Hệ tư tưởng bao gồm những tư tưởng, quan điểm đã được hệ thống hóa thành lý luận, thành các học thuyết về xã hội. Với tính cách là hệ thống lý luận về xã hội, hệ tư tưởng có vai trò chỉ đạo thực tiễn, hoạt động cải tạo xã hội của giai cấp.

Tâm lý xã hội và hệ tư tưởng có nguồn gốc chung là tồn tại xã hội, nhưng là hai cấp độ khác nhau về chất trong trình độ phản ánh. Tuy vậy, giữa tâm lý xã hội và hệ tư tưởng cũng có quan hệ tác động, ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình tác động đến thực tiễn.

- **Ý thức xã hội và ý thức cá nhân:** Ý thức cá nhân được hình thành trên cơ sở môi trường, điều kiện sống của cá nhân cụ thể. Do kết quả của sự giáo dục, trường đời cá nhân trải qua.

Khi ý thức cá nhân vươn lên tầm khái quát, phản ánh được cái chung của một cộng đồng người nhất định; khi đó, ý thức cá nhân chuyển hóa thành ý thức xã hội.

- **Tính giai cấp của ý thức xã hội:** Các giai cấp trong xã hội có địa vị xã hội khác nhau, vai trò xã hội khác nhau, điều kiện sống và hoạt động khác nhau, nên ý thức xã hội mang tính giai cấp. Tính giai cấp của ý thức xã hội thể hiện cả trong hiện tượng tâm lý và hệ tư tưởng.

Ý thức xã hội vừa mang tính giai cấp vừa mang đặc điểm của dân tộc và tính nhân loại.

3.3.1.2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội.

- Tồn tại xã hội là nguồn gốc khách quan, là cơ sở của sự hình thành, ra đời của ý thức xã hội (nghệ thuật, tư tưởng chính trị, pháp quyền...).
- Tồn tại xã hội quyết định nội dung, tính chất, đặc điểm của ý thức xã hội.
- Tồn tại xã hội thay đổi kéo theo sự thay đổi của ý thức xã hội. Tất nhiên, mức độ, nhịp độ thay đổi của các bộ phận ý thức xã hội diễn ra khác nhau. Có những bộ phận biến đổi nhanh hơn, có bộ phận thay đổi chậm hơn.

3.3.1.3. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

Trong quá trình phát triển, ý thức xã hội có tính độc lập tương đối so với tồn tại xã hội. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội thể hiện ở các mặt sau:

- **Tính lạc hậu bảo thủ của ý thức xã hội**
 - Ý thức xã hội là cái phản ánh, nên là cái có sau. Mặt khác, một số bộ phận của ý thức xã hội, đặc biệt trong các hiện tượng tâm lý xã hội, nó ăn sâu vào tiềm thức con người, nên nó bảo thủ, có sức ỳ rất lớn.
 - Khắc phục những biểu hiện lạc hậu của ý thức xã hội bằng con đường phát triển kinh tế – xã hội, phát triển khoa học – kỹ thuật và tuyên truyền giáo dục ý thức tiến bộ.
- **Tính vượt trước của ý thức xã hội:**
 - Ý thức xã hội thể hiện trong lý luận khoa học là sự khái quát dự báo khoa học sự vận động và phát triển xã hội.
 - Với tính cách là lý luận khoa học, ý thức xã hội có vai trò dẫn đường định hướng cho hoạt động thực tiễn của con người, nó tác động tích cực đối với tồn tại xã hội.
- **Tính kế thừa của hình thái ý thức xã hội:**

Ý thức xã hội một mặt phản ánh tồn tại xã hội, trong sự phát triển của nó với tính cách là một chỉnh thể, ý thức xã hội luôn có sự kế thừa. Kế thừa những di sản, giá trị của các thời đại trước, của các dân tộc trên thế giới. Tính chất, nội dung kế thừa phụ thuộc vào địa vị và lợi ích giai cấp.

- Sự tác động lẫn nhau giữa các hình thái ý thức xã hội: Các hình thái ý thức xã hội phản ánh lẫn nhau tại xã hội ở các góc độ khác nhau: Nhưng giữa chúng có sự tác động qua lại, ảnh hưởng chi phối lẫn nhau. Ở mỗi thời đại nhất định, có một số hình thái ý thức nổi lên, có vai trò chi phối ảnh hưởng đến các hình thái ý thức khác. Ví dụ: Triết học thời cổ đại, thần học thời trung cổ, chính trị trong thời cận hiện đại.
- Tác động trở lại của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội: Ý thức xã hội ra đời trên cơ sở tồn tại xã hội, nhưng sau khi ra đời trong hình thức hoàn chỉnh của nó, ý thức xã hội tác động trở lại đối với tồn tại xã hội theo hai hướng tích cực và tiêu cực. Mức độ tác động và hiệu quả tác động của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội tùy thuộc vào các yếu tố sau:
 - Tính tiến bộ, cách mạng hay lạc hậu, phản động (địa vị lịch sử của giai cấp chủ thể của ý thức xã hội).
 - Tính khoa học (hay không) của ý thức xã hội.
 - Mức độ thâm nhập vào đời sống xã hội, vào quần chúng nhân dân.
 - Năng lực triển khai hiện thực hóa ý thức xã hội vào trong thực tiễn của các giai cấp.

3.4. Hình thái kinh tế – xã hội và quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế – xã hội

3.4.1. Khái niệm và cấu trúc hình thái kinh tế – xã hội

Hình thái kinh tế – xã hội là một phạm trù cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, dùng để chỉ xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó, phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất, và với một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy.

Hình thái kinh tế – xã hội là một hệ thống hoàn chỉnh, có cấu trúc phức tạp nhưng có ba mặt cơ bản là: Lực lượng sản xuất → Quan hệ sản xuất → Kiến trúc thượng tầng. Mỗi mặt này có vị trí riêng, nhưng tác động qua lại lẫn nhau, thống nhất với nhau. Trong đó, lực lượng sản xuất là nền tảng vật chất – kỹ thuật của mỗi hình thái kinh tế – xã hội.

Các quan hệ sản xuất tạo thành cơ sở hạ tầng của hình thái kinh tế xã hội và quyết định các quan hệ xã hội. Quan hệ sản xuất là tiêu chuẩn khách quan để phân biệt chế độ xã hội này với chế độ xã hội khác. Kiến trúc thượng tầng do cơ sở hạ tầng sinh ra và quy định, nhưng nó có nhiệm vụ bảo vệ, duy trì, phát triển cơ sở hạ tầng sinh ra nó.

Ngoài những mặt cơ bản nói trên, mỗi hình thái kinh tế – xã hội còn có những quan hệ khác: dân tộc, gia đình và những quan hệ xã hội. Các quan hệ đó đều gắn bó chặt chẽ với quan hệ sản xuất và biến đổi cùng sự biến đổi của quan hệ sản xuất.

3.4.2. Quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế – xã hội

- Các hình thái kinh tế – xã hội như những nấc thang của quá trình lịch sử, các hình thái kinh tế – xã hội vận động phát triển do sự tác động của các quy luật khách quan; đó là quá trình tự nhiên của sự phát triển lịch sử.
- Chỉ có đem quy những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất và đem quy những quan hệ sản xuất vào trình độ của những lực lượng sản xuất thì người ta mới có được một cơ sở vững chắc để quan niệm sự phát triển của những hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.
- Loài người đã trải qua các hình thái kinh tế – xã hội theo trật tự từ thấp đến cao. Đó là quá trình tự nhiên của sự phát triển lịch sử, thể hiện tính liên tục lịch sử. Tuy nhiên, đối với mỗi nước cụ thể do những điều kiện khách quan và chủ quan riêng, một nước nào đó, một dân tộc nào đó có thể “bỏ qua” những giai đoạn lịch sử nhất định. Sự khác nhau đó về trật tự phát triển vẫn là "quá trình lịch sử – tự nhiên".

3.4.3. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế – xã hội

- Lý luận này chỉ rõ sản xuất vật chất là cơ sở của đời sống xã hội, phương thức sản xuất quyết định các mặt của đời sống xã hội. Do vậy, không thể xuất phát từ ý thức, tư tưởng thuần túy để giải thích các hiện tượng xã hội mà phải xuất phát từ phương thức sản xuất vật chất.

- Muốn nhận thức đúng xã hội phải phân tích một cách sâu sắc các mặt của đời sống xã hội, đặc biệt phải đi sâu phân tích quan hệ sản xuất thì mới hiểu được đúng đời sống xã hội. Bởi vì, xã hội không phải là sự kết hợp ngẫu nhiên, máy móc giữa các cá nhân mà là một thể thống nhất hữu cơ của các mặt lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Trong đó, quan hệ sản xuất đóng vai trò quyết định các quan hệ xã hội khác.
- Để nhận thức đúng xã hội phải tìm hiểu quy luật phát triển của xã hội không được tùy tiện, chủ quan. Bởi vì, học thuyết hình thái kinh tế – xã hội chỉ ra rằng, sự phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội là quá trình lịch sử – tự nhiên không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người.

3.5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

3.5.1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

3.5.1.1. Khái niệm giai cấp

- Lênin viết: "Người ta gọi là giai cấp, những tập đoàn người to lớn khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử khác nhau về quan hệ của họ (thường thường thì những quan hệ này được pháp luật quy định và thừa nhận) đối với những tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội, và như vậy là khác nhau về cách thức hưởng thụ và về phần của cải xã hội ít hoặc nhiều mà họ được hưởng. Giai cấp là những tập đoàn người, mà tập đoàn này thì có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác do chỗ các tập đoàn đó có địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế – xã hội nhất định".
- Như vậy nói giai cấp là nói đến sự khác nhau giữa các tập đoàn người về địa vị trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định. Địa vị khác nhau này được thể hiện ở ba quan hệ xét từ ba mặt trong quá trình sản xuất như sau:
 - Khác nhau về quan hệ đối với tư liệu sản xuất (sự khác nhau đó được pháp luật quy định).

- Khác nhau về vai trò trong tổ chức lao động, trong tổ chức quản lý sản xuất.
- Khác nhau về phương thức và quy mô thu nhận của cải xã hội.
- Ở đây khác nhau về quan hệ đối với tư liệu sản xuất là sự khác nhau cơ bản nhất. Trong định nghĩa, Lênin chỉ ra thực chất của tình trạng xã hội phân chia giai cấp là do tập đoàn này có thể chiếm đoạt sản phẩm lao động của tập đoàn khác.
- Định nghĩa giai cấp của Lênin là một định nghĩa khoa học có giá trị cả về lý luận và thực tiễn.
- Việc vận dụng lý luận trên đây để xem xét các giai cấp trong lịch sử cũng cần tránh giản đơn, bởi các quan hệ giai cấp biểu hiện thông qua nhiều hiện tượng phức tạp.

3.5.1.2. Nguồn gốc giai cấp

- Sự xuất hiện giai cấp gắn liền với lịch sử của nền sản xuất xã hội. Nguồn gốc sâu xa của sự ra đời các giai cấp là do sự phát triển chưa đầy đủ của lực lượng sản xuất, còn nguồn gốc trực tiếp của nó là do chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.
- Sự xuất hiện giai cấp diễn ra theo hai con đường:
 - Sự phân hóa trong nội bộ công xã thành kẻ giàu, người nghèo; kẻ bóc lột – người bị bóc lột.
 - Những tù binh của các cuộc chiến tranh không bị giết như trước kia nữa mà được giữ lại làm nô lệ. Những người đứng đầu công xã do có địa vị xã hội thu tóm sức mạnh kinh tế, ngày càng giàu lên.

3.5.1.3. Vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

- Khái niệm đấu tranh giai cấp, Lênin viết: "Đấu tranh giai cấp là đấu tranh của một bộ phận dân này, chống một bộ phận khác, cuộc đấu tranh của quần chúng bị tước hết quyền, bị áp bức và lao động, chống bọn có đặc quyền, đặc lợi, bọn áp bức và bọn ăn bám. Cuộc đấu tranh của những người công nhân làm thuê hay những người vô sản chống những người hữu sản hay giai cấp tư sản" (Lênin, Toàn tập, tập 7, Nxb Tiến bộ, M, 1978, tr.237).

Thực chất của đấu tranh giai cấp là cuộc đấu tranh giữa các giai cấp có lợi ích cơ bản đối lập nhau không thể điều hoà được.

- Vai trò của đấu tranh giai cấp: Đấu tranh giai cấp giữ vai trò là một phương thức, một động lực cơ bản của sự tiến bộ, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp.
 - Nguồn gốc của sự phát triển xã hội là do sự phát triển của sản xuất, là sự thay thế các phương thức sản xuất khi lực lượng sản xuất phát triển đến mức mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất lỗi thời. Đấu tranh giai cấp có ý nghĩa là động lực cơ bản của sự phát triển xã hội, nó là phương thức cơ bản để giai quyết mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.
 - Đấu tranh giai cấp là phương tiện, điều kiện chứ không phải là mục đích. Mục đích của đấu tranh giai cấp là làm cho sản xuất phát triển, kinh tế phát triển. Thông qua đấu tranh giai cấp mà giai cấp cách mạng, lực lượng tiến bộ trưởng thành, thông qua đấu tranh giai cấp mà các lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, nghệ thuật được phát triển.
 - Trong xã hội có giai cấp, đấu tranh giai cấp không phải là động lực duy nhất, mặc dù nó là động lực vô cùng quan trọng, như Mác và Ăngghen nói, nó là đòn bẩy vĩ đại của cuộc cách mạng xã hội hiện đại. Ngoài đấu tranh giai cấp, còn nhiều động lực khác mà vai trò vị trí của mỗi động lực khác nhau tùy thuộc vào sự phát triển của kinh tế – xã hội ở mỗi giai đoạn.
 - Đấu tranh giai cấp là quy luật chung của các xã hội có giai cấp. Song quy luật này có những biểu hiện đặc thù trong từng xã hội cụ thể.

3.5.2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

3.5.2.1. Khái niệm cách mạng xã hội và nguyên nhân của nó

Khái niệm cách mạng xã hội dùng để chỉ sự biến đổi có tính chất bước ngoặt và căn bản về chất trong toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội, là sự thay thế một hình thái kinh tế – xã hội cũ bằng một hình thái kinh tế – xã hội mới cao hơn tiến bộ hơn.

Như vậy, cách mạng xã hội không phải là bước phát triển bình thường – tiên tiến, mà là bước phát triển nhảy vọt không phải chỉ là nhảy vọt ở một lĩnh vực riêng lẻ nào đó của xã hội mà là bước nhảy vọt căn bản của toàn xã hội.

Cách mạng xã hội khác với đảo chính. Đảo chính là việc giành chính quyền bởi một cá nhân hoặc một nhóm người, không phải là phong trào cách mạng của quần chúng.

Cách mạng xã hội cũng khác với cải cách xã hội. Cải cách xã hội cũng tạo nên những biến đổi về chất nhất định nhưng trong từng lĩnh vực riêng lẻ nhất định và trong khuôn khổ của chế độ xã hội đang tồn tại.

Cách mạng xã hội cũng khác với tiến hoá xã hội. Tiến hoá xã hội cũng là hình thức phát triển của xã hội, nhưng là quá trình diễn ra một cách tuần tự, dần dần với những biến đổi cục bộ trong một hình thái kinh tế – xã hội nhất định. Tuy nhiên, giữa tiến hoá xã hội và cách mạng xã hội có sự thống nhất biện chứng với nhau. Cách mạng xã hội chỉ trở thành tất yếu khi những tiền đề của nó được tạo ra bởi tiến hoá xã hội. Ngược lại, chính cách mạng xã hội lại mở đường cho tiến hoá xã hội phát triển. Cứ như vậy, xã hội mới vận động biến đổi phát triển.

Nguyên nhân của cách mạng xã hội: Cách mạng xã hội có nhiều nguyên nhân về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng, nhưng nguyên nhân chủ yếu, nguyên nhân sâu xa là nguyên nhân kinh tế.

Nguyên nhân kinh tế nằm trong phương thức sản xuất của xã hội, đó là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mới với quan hệ sản xuất cũ đã lỗi thời trở thành lực cản đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất, của xã hội.

Trong xã hội có giai cấp mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất biểu hiện về mặt xã hội thành mâu thuẫn giữa giai cấp cách mạng, đại biểu cho lực lượng sản xuất mới tiến bộ và giai cấp thống trị – dùng quyền lực nhà nước bảo vệ bằng mọi giá quan hệ sản xuất lỗi thời – đại biểu cho lực lượng bảo thủ, lạc hậu, phản tiến bộ. Để thay thế quan hệ sản xuất cũ, lỗi thời, lạc hậu bằng quan hệ sản xuất mới, tiến bộ, phù hợp với lực lượng sản xuất, giai cấp cách mạng cần lật đổ giai cấp lạc hậu, bảo thủ giành chính quyền về tay mình để thiết lập quan hệ sản xuất mới. Do vậy, cách mạng xã hội là đỉnh cao của đấu tranh giai cấp.

3.5.2.2. Vai trò của cách mạng xã hội

Cách mạng xã hội giữ vai trò là phương thức, động lực của sự phát triển xã hội. Vai trò này thể hiện:

Thứ nhất cách mạng xã hội là bước chuyển biến vĩ đại trong đời sống xã hội về kinh tế – chính trị – văn hoá – tư tưởng. Vì vậy, cách mạng xã hội được Mác coi là đầu tàu của lịch sử.

Thứ hai chỉ có cách mạng xã hội mới thay thế được quan hệ sản xuất cũ bằng quan hệ sản xuất mới, tiến bộ, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển; mới thay thế được hình thái kinh tế – xã hội cũ bằng hình thái kinh tế – xã hội mới cao hơn.

Cách mạng vô sản là một kiểu cách mạng xã hội hơn hẳn về chất so với tất cả các cuộc cách mạng trước đây vì nó xoá bỏ mọi hình thức người nô dịch người, người áp bức người. Các cuộc cách mạng trước đây trong lịch sử chỉ thay thế hình thức nô dịch người này bằng hình thức nô dịch người khác mà thôi.

3.6. Quan điểm của chủ nghĩa Duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân

3.6.1. Con người và bản chất con người

3.6.1.1. Khái niệm con người

Con người là một thể tự nhiên mang đặc tính xã hội, có sự thống nhất giữa hai phương diện tự nhiên và xã hội.

Bản tính tự nhiên của con người thể hiện ở chỗ, cũng giống như những động vật khác, con người cũng chịu sự quy định của các quy luật sinh học, của tự nhiên như quy luật đồng hoá và dị hoá, quy luật biến dị và di truyền, v.v. Mặt sinh vật có những tương đồng với động vật cao cấp nhưng đã được người hoá, nhân tính hoá.

Bản tính xã hội của con người thể hiện ở chỗ, con người là một loại động vật có tính chất xã hội. Toàn bộ đời sống và hoạt động của con người là do hoàn cảnh xã hội quyết định. Con người chỉ trở thành người đích thực khi sống trong xã hội và có hoạt động xã hội cho mình, cho đồng loại. Trước hết, đó là hoạt động sản xuất vật chất. Chính hoạt động sản xuất vật chất biểu thị bản chất xã hội của con người.

Mặt sinh học (sinh vật) là tiền đề cơ sở cho mặt xã hội của con người. Mặt xã hội chỉ có thể phát triển được trên cơ sở phù hợp với mặt sinh học. Con người là sản phẩm của tự nhiên và xã hội nên quá trình hình thành và phát triển con người chịu sự quy định của ba hệ thống quy luật. Quy luật tự nhiên quy định phương diện sinh học của con người. Quy luật tâm lý ý thức quy định sự hình thành tình cảm, niềm tin, khát vọng v.v... của con người, dù chúng được hình thành trên cơ sở nền tảng sinh học của con người. Quy luật xã hội quy định quan hệ xã hội của con người.

3.6.1.2. Bản chất của con người

C.Mác viết: “Bản chất của con người không phải là một cái trừu tượng, cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội” (C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập; Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, t.3, tr.11).

Như vậy, bản chất con người không phải là trừu tượng mà là hiện thực, không phải là tự nhiên mà là lịch sử, không phải là cái vốn có trong mỗi cá thể riêng lẻ mà là tổng hòa của toàn bộ quan hệ xã hội. Rõ ràng, con người là con người hiện thực, sống trong những điều kiện lịch sử cụ thể, trong một thời đại xác định. Thông qua các quan hệ xã hội con người bộc lộ bản chất xã hội của mình.

Thừa nhận ý nghĩa quyết định của mặt xã hội đối với việc hình thành bản chất con người, song không có nghĩa là chủ nghĩa Mác-Lênin coi nhẹ mặt tự nhiên, phủ nhận cái sinh vật trong yếu tố cấu thành bản chất con người. Ở đây, con người với tư cách là sản phẩm của tự nhiên, mặt khác con người là một thực thể xã hội. Sự tác động qua lại giữa mặt sinh vật và mặt xã hội trong con người tạo thành bản chất con người.

Không có tự nhiên, không có lịch sử – xã hội thì không thể có con người. Con người là sản phẩm của lịch sử, của sự tiến hoá lâu dài của giới hữu sinh, nhưng con người luôn là chủ thể lịch sử – xã hội. Con người chủ thể lịch sử – xã hội thể hiện ở chỗ:

- Các cá nhân con người chủ động lựa chọn sự tác động của xã hội đối với mình, không chịu khuất phục trước môi trường, điều kiện khách quan, mà chủ động tác động, cải tạo điều kiện khách quan.

- Nhờ hoạt động thực tiễn mà con người cải tạo tự nhiên đồng thời làm nên lịch sử của mình. Do vậy chính con người đã sáng tạo ra lịch sử. Thông qua hoạt động thực tiễn của mình con người thúc đẩy xã hội phát triển từ thấp đến cao.

Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về con người, có thể rút ra ý nghĩa phương pháp luận sau đây:

- Phải chú ý cả hai phương diện tự nhiên và xã hội khi lý giải về con người. Song điều căn bản có tính quyết định phải là phương diện xã hội.
- Phải biết phát huy năng lực sáng tạo lịch sử của con người – động lực cơ bản của sự tiến bộ và phát triển xã hội.
- Phải xoá bỏ triệt để các quan hệ kinh tế – xã hội áp bức bóc lột, kìm hãm khả năng sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.

3.6.2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân

3.6.2.1. Khái niệm quần chúng nhân dân

Quần chúng nhân dân bao gồm tất cả những lực lượng giai cấp, những tập đoàn người, những cá nhân thúc đẩy sự phát triển của xã hội, trong đó chủ yếu là quần chúng lao động.

Trong quần chúng nhân dân bao gồm:

Một là những người lao động sản xuất ra của cải vật chất, tinh thần của xã hội. Đây là hạt nhân của quần chúng nhân dân.

Hai là những bộ phận dân cư chống lại giai cấp thống trị, bóc lột.

Ba là những giai cấp, tầng lớp thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội thông qua hoạt động của mình.

Khái niệm quần chúng nhân dân có tính lịch sử. Tuỳ theo chế độ xã hội cụ thể khác nhau mà kết cấu của quần chúng cũng khác nhau, quần chúng nhân dân biến đổi theo phương thức sản xuất.

3.6.2.2. Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và vai trò của cá nhân trong lịch sử.

Theo quan điểm duy vật lịch sử, quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo chân chính ra lịch sử, lực lượng quyết định sự phát triển của lịch sử, do đó,

lịch sử trước hết và căn bản là lịch sử hoạt động của quần chúng nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế – xã hội. Điều đó thể hiện:

Thứ nhất: quần chúng nhân dân là lực lượng sản xuất cơ bản của mọi xã hội, là người trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất – cơ sở tồn tại, phát triển của xã hội. Nói cách khác hoạt động sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội của quần chúng nhân dân là điều kiện cơ bản quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội.

Thứ hai: quần chúng nhân dân là lực lượng cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội; là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội. Lịch sử đã chứng minh, không có cuộc cách mạng nào mà lại thiếu lực lượng cơ bản là quần chúng nhân dân. Chính quần chúng nhân dân đóng vai trò quyết định thắng lợi của mọi cuộc cách mạng xã hội.

Thứ ba: quần chúng nhân dân là người đóng vai trò to lớn trong sự phát triển văn hóa, nghệ thuật và khoa học, là người sáng tạo ra những giá trị văn hoá tinh thần. Hoạt động của quần chúng nhân dân trong thực tiễn là nguồn cảm hứng vô tận cho mọi sáng tạo tinh thần trong xã hội. Hơn nữa, những giá trị văn hoá tinh thần chỉ trở thành trường tồn khi được quần chúng nhân dân chấp nhận, lưu giữ truyền bá sâu rộng trong nhân dân. Quần chúng nhân dân không chỉ sáng tạo ra những giá trị văn hoá, tinh thần, khoa học mà còn áp dụng những thành tựu đó vào hoạt động thực tiễn.

Xét tất cả các mặt trong đời sống xã hội, từ kinh tế đến chính trị, từ thực tiễn đến tinh thần tư tưởng, thì quần chúng nhân dân đóng vai trò quyết định lịch sử. Sức mạnh của quần chúng nhân dân là sức mạnh vật chất và mọi sự vận động lịch sử đều do quần chúng trực tiếp tạo ra. Vì vậy cần phê phán những quan điểm không đúng về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử.

Khái niệm cá nhân dùng để chỉ một con người cụ thể sống trong một cộng đồng xã hội nhất định và được phân biệt với người khác thông qua tính đơn nhất và tính phổ biến của nó. Theo quan niệm này, mỗi cá nhân là một chỉnh thể thống nhất, vừa mang tính cá biệt vừa mang tính phổ biến, là chủ thể của lao động, của mọi quan hệ xã hội và của nhận thức nhằm thực hiện chức năng cá nhân và chức năng xã hội trong một giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử.

Mỗi cá nhân tùy theo vị trí, chức năng, vai trò và năng lực sáng tạo cụ thể, có thể tham gia vào quá trình sáng tạo của cộng đồng nhân dân, “in dấu ấn” của mình vào quá trình sáng tạo lịch sử, với mức độ và phạm vi khác nhau.

Vĩ nhân là những cá nhân kiệt xuất trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học, nghệ thuật.

Lãnh tụ là những người có năng lực và phẩm chất tiêu biểu nhất trong phong trào quần chúng, được quần chúng tin yêu và tạo nên. Lãnh tụ có vai trò to lớn quan trọng trong lịch sử. Để trở thành lãnh tụ phải có những phẩm chất cơ bản:

Một là: có tri thức khoa học uyên bác, nắm được xu hướng vận động của dân tộc, quốc tế và thời đại.

Hai là: có năng lực tập hợp quần chúng, thống nhất ý chí và hành động của quần chúng vào nhiệm vụ của dân tộc, quốc tế và thời đại;

Ba là: gắn bó mật thiết với quần chúng, dám hy sinh thân mình vì lợi ích của quần chúng, của dân tộc, quốc tế và thời đại. Chủ nghĩa Mác-Lênin đánh giá cao vai trò của cá nhân – lãnh tụ trong sự phát triển lịch sử đồng thời kiên quyết chống tệ sùng bái cá nhân.

TÓM LƯỢC CUỐI BÀI

- Sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.
- Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.
- Hình thái kinh tế – xã hội và quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế – xã hội.
- Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội...
- Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.

Chúc các anh/chị thành công !

BÀI TẬP TỰ LUẬN

1. Đảng và Nhà nước ta thực hiện phát triển kinh tế nhiều thành phần có đúng với quy luật QHSX phù hợp với tính chất và trình độ của LLSX không?
2. Hãy lý giải tại sao ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại xã hội nhưng lại có thể vượt trước tồn tại xã hội? Điều này có mâu thuẫn nhau không?

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

1. "Phương thức sản xuất đời sống vật chất phụ thuộc đời sống chính trị, đời sống xã hội và đời sống tinh thần nói chung". Luận điểm này thể hiện lập trường triết học nào? Chọn một câu trả lời đúng.
 - a. Chủ nghĩa duy vật lịch sử.
 - c. Chủ nghĩa duy vật tầm thường.
 - b. Chủ nghĩa duy tâm.
 - d. Nhị nguyên luận.
2. Hãy chỉ ra luận điểm thể hiện lập trường triết học duy tâm lịch sử:
 - a. Quan hệ sản xuất là những quan hệ xã hội có tính vật chất, quyết định mọi quan hệ xã hội khác.
 - b. Trong một cung điện, người ta suy nghĩ khác trong một túp lều tranh.
 - c. Xã hội là một tổ hợp các bộ phận được cấu thành và biến đổi một cách ngẫu nhiên.
 - d. Sự thịnh suy của mỗi dân tộc là do ý chí của người đứng đầu quốc gia quyết định.
3. "Trong tất cả những chuyển biến lịch sử thì chuyển biến về chính trị là chuyển biến quan trọng nhất, quyết định sự phát triển của lịch sử". Quan niệm này biểu hiện lập trường triết học nào? Chọn câu trả lời đúng nhất.
 - a. Chủ nghĩa duy tâm lịch sử
 - b. Chủ nghĩa duy vật lịch sử
 - c. Chủ nghĩa duy vật tầm thường (chủ nghĩa duy vật kinh tế)
 - d. Nhị nguyên luận.
4. Quan điểm cho rằng "Không phải chúa đã tạo ra con người theo hình ảnh của chúa mà chính con người đã tạo ra chúa theo hình ảnh của con người" là của trường phái nào?
 - a. Duy tâm chủ quan
 - c. Thuyết hoài nghi
 - b. Duy tâm khách quan
 - d. Duy vật

